



SAIGON WATER CORPORATION

**PHUWACO**

*Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2023**



*TP. HCM, tháng 4 năm 2024*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Số: 099 /BCTN-PHT-HĐQT

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN**  
**NĂM 2023**

*(Theo Phụ lục IV của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020  
hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN**
- Tên tiếng Anh: PHU HOA TAN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PHUWACO JSC
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0304796249 cấp lần đầu ngày 16/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 01/9/2021 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng (*chín mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 90.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TpHCM
- Điện thoại: 1900.1019 - (84-028) 38 558 410
- Email: [phuhoatan@phuwaco.com.vn](mailto:phuhoatan@phuwaco.com.vn)
- Website: [www.phuwaco.com.vn](http://www.phuwaco.com.vn)
- Mã cổ phiếu: PJS

**• Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (Phuwaco) – trước đây là Chi nhánh Cấp nước Phú Hòa Tân trực thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đã được UBND TP. Hồ Chí Minh chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 4532/QĐ-UBND và quyết định số 6653/QĐ-UBND ngày 31/08/2005.
- Ngày 18/11/2006, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập để bầu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty và thống nhất ban hành Điều lệ Công ty (lần đầu).
- Ngày 16/01/2007, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005925 và chính thức đi vào hoạt động cổ phần từ 01/02/2007.

- Ngày 22/5/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – sửa đổi lần thứ I – bổ sung thêm ngành nghề hoạt động của Công ty.
- Ngày 05/12/2011, cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân chính thức giao dịch trên thị trường Upcom với Mã chứng khoán là PJS, số lượng đăng ký giao dịch là 9.000.000 cổ phiếu và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Ngày 19/4/2012, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – sửa đổi lần thứ II – thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Ngày 09/08/2013, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – sửa đổi lần thứ III – mã hóa và bổ sung ngành nghề hoạt động của Công ty.
- Ngày 16/6/2020, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – sửa đổi lần thứ IV – thay đổi Người đại diện theo pháp luật.
- Ngày 18/3/2021, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – sửa đổi lần thứ V – thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (cập nhật ngành và mã ngành vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp).
- Ngày 01/9/2021, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – sửa đổi lần thứ VI – thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

### **2.1 Ngành nghề kinh doanh:**

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước trong nhà (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở).
- Cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng – sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn).
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng).
- Xây dựng công trình cấp thoát nước.
- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước.
- Lập dự án. Thẩm tra thiết kế. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Giám sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình cấp nước theo tuyến.
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước. Tái lập mặt đường, vỉa hè
- Mua bán nước tinh khiết. Mua bán vật tư, máy móc ngành nước.
- Sản xuất nước tinh khiết.
- Xử lý nền móng công trình.
- Duy tu sửa chữa công trình giao thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

### **2.2 Địa bàn kinh doanh:** Quận 10, Quận 11 và Phường Phú Trung Quận Tân Phú.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

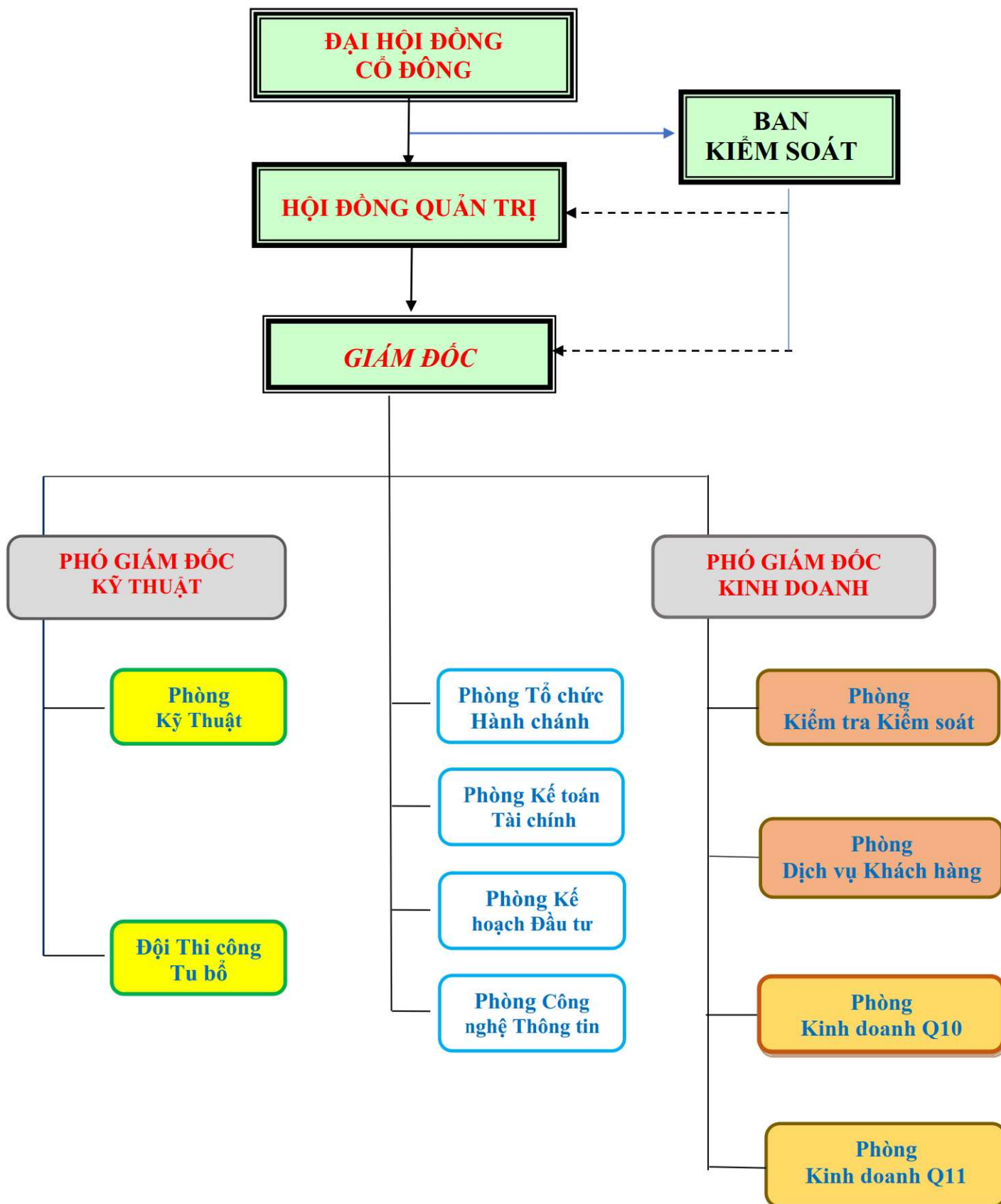
#### **3.1. Mô hình quản trị:** Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát.
- Giám đốc.

#### **3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:**

- + Giám đốc: Chịu trách nhiệm điều hành chung và trực tiếp phụ trách Phòng Tổ chức Hành chính, Kế toán Tài chính, Công nghệ thông tin và Kế hoạch Đầu tư.
- + Phó Giám đốc kinh doanh: Phụ trách Phòng Kiểm tra Kiểm soát, Dịch vụ khách hàng, Kinh doanh Quận 10, Kinh doanh Quận 11.
- + Phó Giám đốc kỹ thuật: Phụ trách Phòng Kỹ thuật và Đội Thi công Tu bổ.

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



### **3.3. Các Công ty con, Công ty liên kết: không có**

## **4. Định hướng phát triển:**

### **4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Quản lý và vận hành an toàn hệ thống cấp nước; cung cấp nước liên tục, ổn định.
- Phân đầu đạt sản lượng nước cung cấp, doanh thu, lợi nhuận so với chỉ tiêu đề ra.
- Thực hiện tích cực và đồng bộ các giải pháp nhằm giảm tỉ lệ thất thoát nước tại các phân vùng cấp nước (DMA & DMZ) thông qua đồng hồ tổng.
- Giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch như hiện nay.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hoạt động có hiệu quả, tiết kiệm nhân lực, tăng năng suất lao động. Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025.

### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn: các công tác trọng tâm:**

a) Nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, xây dựng thương hiệu Phuwaco:

Phuwaco đã phân đầu duy trì tỉ lệ 100% hộ dân trên địa bàn quản lý được cấp nước sạch từ năm 2014. Do đó, đơn vị tập trung phát triển dịch vụ chăm sóc khách hàng, nhanh chóng giải đáp thắc mắc và tạo mọi điều kiện cho khách hàng tiếp cận với dịch vụ cấp nước chuyên nghiệp, an toàn của Công ty. Bên cạnh đó, ngành cấp nước là một trong những ngành quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người, Phuwaco phân đầu giữ vững mục tiêu cấp nước an toàn, tích cực tuyên truyền cho khách hàng ý thức sử dụng nước sạch, không sử dụng nước giếng và tham gia vào các công trình phúc lợi xã hội của ngành. Đây cũng là điểm quan trọng trong lộ trình xây dựng thương hiệu của đơn vị.

b) Thực hiện giảm thất thoát nước trên địa bàn Công ty quản lý:

Tập trung mọi nguồn lực cho công tác giảm thất thoát nước tại Quận 10, Quận 11 và Phường Phú Trung Quận Tân Phú nhằm duy trì tỉ lệ thất thoát nước ở mức thấp.

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động:

Hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, Phuwaco luôn ý thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị với xã hội. Trong những năm qua, đơn vị đã tích cực thực hiện việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng một đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng.

### **4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

- Tập trung nâng cao chất lượng nước, cấp nước an toàn phục vụ khách hàng. Trong đó, giải quyết triệt để tình trạng nước đục, áp lực yếu, nước thất thoát, đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch liên tục, ổn định, đảm bảo áp lực và chất lượng.

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng trên địa bàn quản lý. Tiếp tục thực hiện phương châm “Phuwaco hướng về cộng đồng, phát triển để phục vụ tốt hơn”.

- Tuân thủ nghiêm các quy phạm, quy trình của Nhà nước về môi trường và quy định chuyên môn kỹ thuật của ngành trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

## 5. Các rủi ro đặc thù ngành:

- Do nước sạch là mặt hàng thiết yếu và vẫn do Nhà nước kiểm soát giá, vì vậy, việc kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt của Công ty cho khách hàng phụ thuộc hoàn toàn vào giá quy định của Nhà nước nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kinh phí cho công tác giảm thất thoát nước rất lớn và phải được thực hiện liên tục, bền bỉ nên ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2023:

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2022	Kết quả SXKD 2023		Tỷ lệ thực hiện	
			Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch 2023	So với thực hiện 2022
Sản lượng nước cung cấp	1.000 m <sup>3</sup>	31.740	32.700	33.318	101,89%	104,97%
Tổng doanh thu	Tr. đồng	377.950	389.052	413.536	106,29%	109,42%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr. đồng	14.938	15.500	25.915	167,20%	173,49%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	11.793	11.825	19.598	165,74%	166,19%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư chủ sở hữu	%	9,87	9,89	16,37	165,52%	165,86%
Cổ tức (dự kiến)	Đồng	700	700	800	114,29%	114,29%

- Trong tình hình tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn Công ty quản lý đã đạt mức 100% từ năm 2014 nên không còn nguồn khách hàng để phát triển, không thể tăng sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu tiền nước. Vì vậy, để duy trì sản lượng nước tiêu thụ bình quân hàng năm cũng là một thách thức đối với Công ty.

- Năm 2023, sau 02 năm khắc phục khó khăn do đại dịch Covid-19, các hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố từng bước phục hồi và trên đà phát triển tích cực. Tuy nhiên, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố không đạt như kỳ vọng, nên ít nhiều tác động đến nhu cầu tiêu thụ nước của khách hàng Công ty.

- Trong bối cảnh trên, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là một thách thức không nhỏ đối với Ban Điều hành cùng tập thể người lao động Công ty. Nhưng với tinh thần luôn chủ động, nỗ lực, phấn đấu của toàn thể người lao động, cùng nhiều chỉ đạo, giải pháp hiệu quả của Ban Điều hành cả về lượng và chất mang lại lợi nhuận cao cho Công ty, đồng thời vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị. Kết quả cụ thể: tất cả các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, tài chính đều

đạt và vượt kế hoạch đề ra, trong đó nổi bật là tỷ lệ thất thoát nước giảm sâu và bền vững, giảm 8,89% so với kế hoạch năm 2023; Tổng doanh thu tăng 6,29% so với kế hoạch năm 2023. Hai chỉ tiêu này đã góp phần chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế tăng 65,74% so với kế hoạch cả năm 2023 được ĐHCĐ thông qua.

- Từ những kết quả đạt được như trên, Công ty dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trả cổ tức năm 2023 là 800 đồng/cổ phiếu đạt 114,29% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ nghề nghiệp	Chức danh	Địa chỉ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
<b>DƯƠNG VĂN HÒA</b>	13/4/1976	- Kỹ sư Đô thị chuyên ngành Cấp thoát nước - Cao cấp chính trị	Giám đốc, TV HĐQT	39/21 đường 39, khu phố Bến Cát, Phước Bình, Tp. Thủ Đức, TPHCM	14/4/2022	0
<b>TRẦN CÔNG LỄ</b>	16/10/1969	- Cử nhân Luật	Phó Giám đốc Kinh doanh	315/36 Trường Chinh, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. HCM	14/4/2022	0
<b>BÙI ĐỨC SINH</b>	01/01/1975	- Kỹ sư Xây dựng	Phó Giám đốc Kỹ thuật	Phòng 2.2 Lô B1 C/c 319 Lý Thường Kiệt, P.4 - Q11, TP. HCM	14/4/2022	0,005
<b>DƯƠNG THỊ MỸ QUÝ</b>	11/8/1977	- Cử nhân Kinh tế	Kế toán trưởng	TK9/24 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP. HCM	14/4/2022	0,008

### 2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

### 2.3 Số lượng CB-NLĐ đến thời điểm 31/12/2023: 213 người

### 2.4 Các chính sách, chế độ, phúc lợi:

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định Nhà nước như quy định về lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bên cạnh đó, còn bổ sung thêm các bảo hiểm tự nguyện như tai nạn rủi ro 24/24, sức khỏe, nhân thọ. Công ty cũng đảm bảo các khoản phúc lợi cho người lao động theo như hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể bao gồm đồng phục, tham quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, chế độ thăm hỏi ốm đau...và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Các dự án trong năm của Công ty chủ yếu là tập trung thay mới ống mục tại các phân vùng cấp nước (DMZ, DMA) để phục vụ cho việc cấp nước an toàn, liên tục đảm bảo an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn quản lý và công tác giảm thất thoát nước. Theo kế hoạch năm 2023, Công ty đã thực hiện được 100% khối lượng kế hoạch năm 2023 đề ra tương đương 11.168 mét ống với tổng mức đầu tư 20,352 tỷ đồng.



#### 4. Tình hình tài chính:

##### 4.1 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	triệu đồng	197.229	212.277	Tăng 7,63%
Doanh thu thuần	triệu đồng	374.047	407.161	Tăng 8,85%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	13.873	25.335	Tăng 82,62%
Lợi nhuận khác	triệu đồng	1.064	580	Giảm 45,49%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	14.938	25.915	Tăng 73,48%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	11.793	19.598	Tăng 66,18%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	7,00	8,00	Tăng 14,29%

##### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSNH/Nợ ngắn hạn)	1,67	1,72	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho) / (Nợ ngắn hạn)	1,46	1,54	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,36	0,37	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,57	0,59	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán) / (Hàng tồn kho bình quân)	17,92	16,19	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	2,03	1,99	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,04	0,06	

**Ghi chú:** Các chỉ tiêu liên quan đến nợ phải trả, Tổng tài sản năm 2022 đã được cập nhật lại theo kết quả hồi tố tiếp theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước niên độ 2021).

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 9.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000đồng/cổ phần).

- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông.

## 5.2 Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 04/8/2023)

- Theo tiêu chí tỉ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ):

Stt	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông lớn	03	7.869.098	87,43
2	Cổ đông nhỏ	242	1.130.902	12,57

- Theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	05	7.916.498	87,96
2	Cổ đông cá nhân	240	1.083.502	12,04

- Theo tiêu chí cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	243	8.360.902	92,90
2	Cổ đông nước ngoài	02	639.098	7,10

- Theo tiêu chí cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:

Stt	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	02	6.377.400	70,86
2	Các cổ đông khác	243	2.622.600	29,14

**5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không

**5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: không có

- Giao dịch cổ phiếu quỹ : không có

**5.5 Các chứng khoán khác:** không có

**6. Tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

**6.1 Tác động lên môi trường:** Không có

**6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân là đơn vị phân phối nước. Công ty mua nước sạch từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và phân phối lại cho khách hàng trên địa bàn quản lý – Quận 10, Quận 11 và Phường Phú Trung, Quận Tân Phú – thông qua mạng lưới cấp nước. Vật tư sử dụng chủ yếu là vật tư chuyên ngành nước.

**6.3 Tiêu thụ năng lượng:** Không đáng kể, chủ yếu là sinh hoạt đối với văn phòng làm việc

**6.4 Tiêu thụ nước:**

Không đáng kể. Chủ yếu là sinh hoạt đối với văn phòng làm việc.

**6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, cũng như các quy định liên quan về chuyên môn, kỹ thuật của ngành và của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2023: 213 người.

- Tiền lương bình quân người lao động: 19,11 triệu đồng người/tháng

- Chính sách, chế độ và phúc lợi cho người lao động như mục 2.4 đã nêu.

- Công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm bao gồm: bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ tay nghề thông qua các chương trình liên kết đào tạo, tập huấn tại chỗ, trong và ngoài nước: Kỹ năng giao tiếp khách hàng, tập huấn chuyên môn phục vụ công tác giám sát thoát nước, bồi dưỡng và thi tay nghề bậc thợ, kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, khuyến khích người lao động tự học tập nâng cao trình độ, bên cạnh các buổi tuyên truyền, phổ biến Pháp luật.

**6.7 Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Chấp hành nghiêm các quy định tại địa phương. Tích cực đóng góp tài chính cho các phong trào do địa phương phát động. Hỗ trợ các hoạt động vì cộng đồng song song với việc xây dựng mối quan hệ tốt với các ban ngành và chính quyền địa phương trên địa bàn Công ty quản lý.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:**

**a. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2023:**

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
- Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	32.700	33.318	101,89
- Tổng doanh thu	Tr. đồng	389.052	413.536	106,29
- Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	11.825	19.598	165,74
- Tỷ suất LNST trên vốn đầu tư CSH	%	9,89	16,37	165,52
- Mức cổ tức (đ/CP) dự kiến	Đồng	700	800	114,29

Trong năm, Công ty thực hiện nhiều giải pháp nhằm tăng sản lượng như: điều tiết áp lực theo khu vực, thời điểm phù hợp đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, khuyến khích sử dụng nước máy thay nước giếng, giảm hóa đơn từ 0 – 4m<sup>3</sup>, tăng cường công tác kiểm tra phòng tránh việc sử dụng nước gian lận, tăng cường công tác quản lý mạng lưới, dò bể, sửa bể... Ngoài ra, giá bán bình quân tăng và tỷ lệ thất thoát nước giảm sâu góp phần chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế tăng 67,74% so với kế hoạch được ĐHCĐ thông qua.

Công ty đảm bảo được mức cổ tức cho cổ đông cũng như các chế độ lương, thưởng và phúc lợi cho người lao động.

### **b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

- Hoàn thành và vượt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và tài chính.
- Nhiều giải pháp đồng bộ được triển khai mang lại hiệu quả và bền vững trong việc giảm thất thoát nước và tăng lợi nhuận.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng qua việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025.
- Đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu thông qua bộ nhận dạng thương hiệu Công ty nhằm đưa Phuwaco trở thành đơn vị cấp nước vững mạnh.

## **2. Tình hình tài chính:**

### **a. Tình hình tài sản:**

- Tổng giá trị tài sản đến ngày 31/12/2023 là 212.276.766.989 đồng, tăng 7,63% so với năm 2022. Trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu là chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền; Giảm chỉ tiêu hàng tồn kho. Về chỉ tiêu hàng tồn kho Công ty luôn thực hiện tốt việc quản lý hàng tồn kho, việc dự trữ hàng luôn phù hợp và sát với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các nguyên vật liệu theo đúng quy định.

+ Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là chỉ tiêu xây dựng cơ bản hoàn thành đưa tài sản vào sử dụng và chỉ tiêu chi phí trả trước dài hạn giảm do hạch toán vào chi phí trong kỳ. Ngoài ra, nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 202,337 tỷ đồng.

- Hiệu quả sử dụng tài sản so với năm 2022 tăng 0,3 lần.

### **b. Tình hình nợ phải trả:**

- Nợ phải trả đến ngày 31/12/2023 là 78.927.336.294 đồng, tăng 10,10% so với đầu năm. Công ty không có nợ phải trả dài hạn, nợ phải trả tăng chủ yếu là chỉ tiêu phải trả người bán ngắn hạn. Cụ thể là tăng phải trả tiền mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước chưa đến hạn nộp.

- Với các chỉ tiêu đã nêu tại mục 4.2 ở trên về chỉ tiêu hệ số thanh toán và chỉ tiêu cơ cấu vốn cho thấy công ty sử dụng nguồn vốn hiệu quả và đồng vốn được bảo toàn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tập trung ổn định nhân sự và cơ cấu, bố trí, sắp xếp lại Phòng, Đội nghiệp vụ với chức năng, nhiệm vụ mới đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2021 – 2025 trong tình hình mới và xu hướng chung của xã hội.

- Cải cách hành chính, chính thức đưa vào hoạt động Trung tâm Chăm sóc khách hàng (Call Center) để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

- Tự động hóa việc quản lý, vận hành mạng lưới cấp nước, tiến tới thành lập Trung tâm Vận hành Mạng lưới Cấp nước (NOC): Lắp đặt các thiết bị thông minh trên mạng lưới cấp nước nhằm theo dõi lưu lượng, áp lực và chất lượng nước từ xa, cảnh báo sớm các sự cố xảy ra trong quá trình vận hành mạng lưới cấp nước, phục vụ công tác cấp nước an toàn, liên tục và ổn định.

- Triển khai, xây dựng được phần mềm quản lý tài sản, trong đó, tất cả số liệu về đường ống, van, trụ cứu hỏa, hầm xả cặn, trạm bơm tăng áp, ống nhánh, đồng hồ tổng, đồng hồ khách hàng đều được mã hóa và lưu trữ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tra cứu, thống kê, quản lý vận hành, sửa chữa mạng lưới cấp nước và công tác quản lý đồng hồ khách hàng.

### 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH NĂM 2024
1- Nước tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	33.318	33.000
2- Tổng doanh thu	triệu đồng	413.536	414.200
3- Lợi nhuận sau thuế TNDN	triệu đồng	19.598	19.777
4- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư chủ sở hữu	%	16,37	16,43
5- Cổ tức	Đồng	800	800

(1) Nước tiêu thụ: Do thay đổi chu kỳ đọc số năm 2023 làm tăng sản lượng tiêu thụ gần 600.000 m<sup>3</sup>, chỉ tiêu kế hoạch Nước tiêu thụ năm 2024 phấn đấu tăng 300.000 m<sup>3</sup> so với năm 2023, đạt 33 triệu m<sup>3</sup>

### 5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

a) Nội dung: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ cho BCTC năm 2023 và kết quả hồi tố BCTC năm 2022 của Công ty. Cụ thể: (1) Công ty ghi nhận vào chi phí trong năm 2023 toàn bộ tiền phí bảo hiểm nhân thọ thời hạn 01 năm cho người lao động số tiền 5.088.000.000 VND thay vì chỉ ghi nhận phần chi phí của năm 2023 theo nguyên tắc phù hợp quy định tại Chuẩn mực kế toán số 01. (2) Điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên BCTC năm 2022 theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

b) Nguyên nhân: Công ty hạch toán chi phí bảo hiểm trên cơ sở Văn bản đề nghị thanh toán tiền và hoá đơn của Công ty Bảo hiểm (phát hành trong tháng 4/2023 và tháng 9/2023).

c) Kế hoạch và giải pháp khắc phục: Với tình hình lợi nhuận trước thuế năm 2023 trên 25 tỷ đồng tăng 10,4 tỷ đồng so với kế hoạch, kết quả thực hiện kế hoạch tài chính năm 2023 tăng cao so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước, việc hạch toán chi phí bảo hiểm vào năm 2023 không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh năm 2023. Công ty sẽ lưu ý từ năm 2024, thực hiện phân bổ, hạch toán chi phí bảo hiểm phù hợp với niên độ kế toán.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Công ty tập trung tối đa mọi nguồn lực, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và tài chính đảm bảo cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Công ty có nhiều giải pháp, chủ động tổ chức các hoạt động kinh doanh được thực hiện tốt và có kế hoạch cụ thể cho từng tình hình, từng giai đoạn. Nhờ đó, tỷ lệ giảm nước thất thoát thất thu và giá bán bình quân đạt kết quả tốt góp phần tạo lợi nhuận vượt kế hoạch đã đề ra.

- Công tác tài chính, kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT được Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty báo cáo HĐQT xem xét và quyết định dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

- Việc công bố thông tin tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty đã đề ra và chỉ đạo tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tập trung nâng cao chất lượng nước và cấp nước an toàn: Tận dụng tối đa những ưu thế về hệ thống đường ống, nguồn nhân lực, công nghệ và những thành quả của công tác quản lý mạng lưới... để tập trung nâng cao chất lượng nước phục vụ khách hàng.

- Duy trì tỷ lệ thất thoát nước: Sử dụng hiệu quả nguồn vốn và nguồn lực để thực hiện công tác giảm nước thất thoát thất thu theo hạng mục ưu tiên đảm bảo hiệu quả đầu tư.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động: Hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, Công ty ý thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị với xã hội, tích cực phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng một đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Tập trung chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

##### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc:**

- HĐQT thường xuyên nhận được báo cáo và chỉ đạo việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và định hướng thực hiện kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Định hướng Ban giám đốc trong

công tác quản lý điều hành cũng như phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy định pháp luật hiện hành. Từng quý, Giám đốc báo cáo kết quả công việc:

- + Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2023 đề ra.
- + Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.
- + Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Ban Điều hành đã chủ động xin ý kiến của HĐQT, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, triển khai thực hiện tích cực và đồng bộ các giải pháp mang lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tranh thủ được sự hỗ trợ thiết thực từ phía Tổng Công ty nên các chỉ tiêu SXKD và tài chính hoàn thành vượt so với kế hoạch đề ra, đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức cho cổ đông.
- Chỉ đạo và giám sát việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT đánh giá Ban điều hành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:**

Trong năm 2024, HĐQT đề ra các mục tiêu sau:

- Phối hợp chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tập trung chỉ đạo hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hoạt động có hiệu quả, tiết kiệm nhân lực, tăng năng suất lao động.
- Lãnh đạo xây dựng lộ trình giảm thất thoát nước thông minh và xác định được tỷ lệ giảm thất thoát nước kinh tế đảm bảo vốn đầu tư hợp lý.
- Lãnh đạo triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2021 – 2025.
- Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Trên cơ sở định hướng phát triển Công ty và mục tiêu trên, HĐQT Công ty đã đề ra 03 công tác trọng tâm của năm 2024, cụ thể như sau:

#### **1. Tăng cường quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước và nâng cao chất lượng nước:**

Thực hiện đầu tư đạt hiệu quả cao nhất cho công tác giảm thất thoát nước.

Xây dựng Trung tâm Vận hành Mạng lưới Cấp nước (NOC). Đảm bảo áp lực nước, chất lượng nước cung cấp ổn định và liên tục trên toàn hệ thống góp phần tăng sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu.

#### **2. Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước:**

Hoàn thành công tác phủ kín mạng lưới cấp nước, bảo đảm mọi khách hàng có nhu cầu gần ĐHN đều được đáp ứng. Đồng thời, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và giữ vững mục tiêu cấp nước liên tục, an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của cộng đồng.

#### **3. Nâng cao hiệu quả hoạt động:**

Tích cực phát huy tối đa tính sáng tạo của từng cán bộ, người lao động, áp dụng kỹ thuật công nghệ thông qua việc đầu tư, triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2021 – 2025.

Tập trung chỉ đạo, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch SXKD. Đồng thời, hỗ trợ Ban Điều hành Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để quyết định và xử lý kịp thời những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a/ Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

HĐQT nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách, 5 thành viên kiêm nhiệm, cụ thể:

*Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/CP*

T T	Họ tên thành viên HĐQT	Chức danh	Thành viên không điều hành	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện		Thành viên HĐQT tại các công ty khác	
				Số lượng	% VĐL	Số lượng	% VĐL		
1	Lê Thị Thanh Tâm	Chủ tịch		0		6.335.200 (Đồng đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn)	70,39		
2	Dương Văn Hòa	TV		0					
3	Nguyễn Thanh Sử	TV	x	0					TV HĐQT Công ty CP Cấp nước Tân Hòa
4	Lê Hoàng Sơn	TV	x	0					
5	Vương Vũ	TV	x	0					
6	Võ Tấn Bảo Quang	TV	x			900.000 (Ngân hàng TMCP Đông Á)	10,00	TV HĐQT Công ty CP Cấp nước: Nhà Bè	
<b>Tổng cộng:</b>				<b>0</b>		<b>7.235.200</b>	<b>80,39</b>		

**b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** không có

**c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hoạt động của HĐQT trong năm 2023 đảm bảo tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đã ban hành và các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị.

Trong năm 2023, HĐQT đã điều hành hoạt động của Công ty thông qua 04 phiên họp HĐQT đề ban hành 07 Nghị quyết, Quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.

Nội dung chủ yếu của các phiên họp HĐQT gồm:

- Báo cáo SXKD, tài chính thực hiện hàng quý, 6 tháng, năm; Các chỉ tiêu kế hoạch.



Các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

- Các nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Các nội dung liên quan đến lương, thưởng, phúc lợi người lao động.
- Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành khác.

**d/ Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:** Không có

## **2. Ban kiểm soát:**

### **2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) có 3 người, trong đó có 1 Trưởng Ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm, bao gồm:

*Giá trị cổ phần: 10.000 đồng/CP*

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh BKS</b>	<b>Số cổ phần sở hữu (CP)</b>	<b>Tỷ lệ % so vốn điều lệ</b>
1	Nguyễn Minh Đạt	Trưởng ban	0	
2	Lê Trọng Thành	Thành viên	0	
3	Phạm Thị Phương Linh	Thành viên	0	

### **2.2 Hoạt động Ban kiểm soát:**

- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) và cán bộ quản lý khác trong hoạt động quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Báo cáo tổng kết hoạt động của BKS năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty năm 2023. Thẩm định các Báo cáo tài chính, bán niên và năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Thực hiện các báo cáo về tình hình tài chính, kinh doanh của Công ty và gửi đến HĐQT theo từng quý, năm.
- Xem xét các tờ trình về xây dựng kế hoạch tài chính, kinh doanh của Công ty, dự trù về kinh phí hoạt động, kế hoạch, đề án về hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty.
- Ngoài các phiên họp làm việc trực tiếp, Ban Kiểm soát thường xuyên liên lạc, trao đổi qua mail, điện thoại,.. những thông tin, tài liệu và các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của các kiểm soát viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát.

### **2.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Đối với tiền lương: Người Quản lý chuyên trách Công ty.

Stt	Chức danh	Tiền lương (đồng/năm)	Các khoản lợi ích khác
1	Chủ tịch HĐQT	638.852.000	<i>Hưởng các chế độ phúc lợi và được trang bị các phương tiện, dụng cụ làm việc theo quy định và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.</i>
2	Giám đốc	577.538.000	
3	Phó Giám đốc KT	493.083.000	
4	Phó Giám đốc KD	493.083.000	
5	Kế toán trưởng	442.155.000	
6	Trưởng Ban kiểm soát	465.689.000	

- Đối với thù lao: (Đvt: (đồng/người/tháng))

Stt	Chức danh	Số tiền	Ghi chú
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	chuyên trách không hưởng thù lao
2	Thành viên HĐQT	5.800.000	
3	Trưởng Ban Kiểm soát	-	chuyên trách không hưởng thù lao
4	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000	

- Đối với tiền thưởng:

Căn cứ lợi nhuận sau thuế và sau khi đã trích các quỹ theo quy định, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định quỹ thưởng cụ thể cho Ban quản lý, điều hành. Căn cứ quỹ thưởng do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty sẽ phân phối cho các thành viên theo quy chế và theo mức đóng góp của các thành viên.

b/ Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c/ Hợp đồng, hoặc giao dịch với người nội bộ:

Stt	Cá nhân, đơn vị thực hiện giao dịch với Công ty	Quan hệ với Cty	Nội dung giao dịch
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	Tổ chức có 05 thành viên làm người đại diện vốn góp tham gia vào HĐQT Công ty.	Ký kết Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023.
2	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	Tổ chức có 05 thành viên làm người đại diện vốn góp tham gia vào HĐQT Công ty.	Ký 02 Hợp đồng đào tạo
3	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	Tổ chức có 05 thành viên làm người đại diện vốn góp tham gia vào HĐQT Công ty.	Ký Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước

Stt	Cá nhân, đơn vị thực hiện giao dịch với Công ty	Quan hệ với Cty	Nội dung giao dịch
4	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Tổ chức có 01 thành viên tham gia vào HĐQT Công ty	Ký Hợp đồng mua nước uống đóng chai

d/ Đánh giá việc thực hiện các quy định nội bộ về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty.

## **VI. Báo cáo tài chính:**

Trích văn bản số 270324.004/BCTC.FISI ngày 27/3/2024 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

### **1. Ý kiến của kiểm toán:**

Số: 270324.004/BCTC.FIS1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân được lập ngày 27 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của Ý kiến kiểm toán Ngoại trừ*

Công ty ghi nhận vào chi phí trong năm 2023 toàn bộ tiền phí bảo hiểm nhân thọ thời hạn 01 năm cho người lao động số tiền 5.088.000.000 VND thay vì chỉ ghi nhận phần chi phí của năm 2023 theo nguyên tắc phù hợp quy định tại Chuẩn mực kế toán số 01. Nếu các chi phí nêu trên được ghi nhận phù hợp thì chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" sẽ giảm 20.197.000 VND, chỉ tiêu "Chi phí bán hàng" sẽ giảm 897.803.000 VND, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ giảm 1.208.000.000 VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" sẽ tăng 425.200.000 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế" sẽ tăng 1.700.800.000 VND.

## Ý kiến kiểm toán Ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các thuyết minh sau:

- ▶ Thuyết minh 33 của Báo cáo tài chính, trong đó mô tả việc Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 căn cứ theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong năm 2022 và đã được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt tại Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 079/NQ-PHT-HĐQT ngày 19/12/2023. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được điều chỉnh tương ứng. Sau khi thực hiện điều chỉnh, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước” tại ngày 31/12/2023 đang là số âm; và
- ▶ Thuyết minh 21\* và 22\* của Báo cáo tài chính, trong đó mô tả Công ty đã thực hiện thay đổi lịch đợc số ghi nhận sản lượng nước trong năm 2023. Điều này dẫn đến chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” tăng khoảng 7,6 tỷ VND, “Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ” tăng khoảng 4,2 tỷ VND. Do đó chỉ tiêu “Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ” và chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” tăng khoảng 3,4 tỷ VND so việc giữ nguyên lịch chốt chỉ số nước như năm trước; và
- ▶ Thuyết minh 9\* và 24\*, trong đó mô tả Công ty đã phân bổ toàn bộ số dư chi phí thay, gắn đồng hồ nước còn tồn tại ngày 01/01/2023 vào chi phí trong năm nay thay vì tiếp tục phân bổ, nhằm phản ánh phù hợp hơn với thực tế hoạt động kinh doanh trong năm. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu “Chi phí bán hàng” của Công ty năm nay đã tăng 4.711.289.421 VND so với cách phân bổ đang thực hiện trước đó.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

**Công ty TNHH  
Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

**Đinh Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3681-2022-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

## **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Xem file đính kèm. Ngoài ra, Công ty đã công bố thông tin theo quy định. Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán được đăng tải trên Website của Công ty theo đường link: [www.phuwaco.com.vn](http://www.phuwaco.com.vn) tại mục Quan hệ cổ đông – Báo cáo tài chính./.

### ***Nơi nhận:***

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- HĐQT, BKS, BGĐ, KTT;
- Lưu: VT, Tờ TK.

**Người đại diện theo pháp luật**

**GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: Dương Văn Hòa  
Chức vụ: Giám đốc  
Ký ngày: 09.04.2024  
10:05:47



## Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(Đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-31





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước, theo Quyết định số 6653/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304796249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/01/2007, và các giấy sửa đổi, trong đó thay đổi lần sáu ngày 01/09/2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Lê Thị Thanh Tâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên
Ông Võ Tấn Bảo Quang	Thành viên
Ông Lê Hoàng Sơn	Thành viên
Ông Vương Vũ	Thành viên
Ông Dương Văn Hòa	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Dương Văn Hòa	Giám đốc
Ông Bùi Đức Sinh	Phó Giám đốc Kỹ thuật
Ông Trần Công Lễ	Phó Giám đốc Kinh doanh

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Ông Nguyễn Minh Đạt	Trưởng ban
Ông Lê Trọng Thành	Thành viên
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



---

**Dương Văn Hòa**  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Số: 270324.004/BCTC.FIS1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân được lập ngày 27 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của Ý kiến kiểm toán Ngoại trừ*

Công ty ghi nhận vào chi phí trong năm 2023 toàn bộ tiền phí bảo hiểm nhân thọ thời hạn 01 năm cho người lao động số tiền 5.088.000.000 VND thay vì chỉ ghi nhận phần chi phí của năm 2023 theo nguyên tắc phù hợp quy định tại Chuẩn mực kế toán số 01. Nếu các chi phí nêu trên được ghi nhận phù hợp thì chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" sẽ giảm 20.197.000 VND, chỉ tiêu "Chi phí bán hàng" sẽ giảm 897.803.000 VND, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ giảm 1.208.000.000 VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" sẽ tăng 425.200.000 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế" sẽ tăng 1.700.800.000 VND.

## Ý kiến kiểm toán Ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các thuyết minh sau:

- ▶ Thuyết minh 33 của Báo cáo tài chính, trong đó mô tả việc Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 căn cứ theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong năm 2022 và đã được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt tại Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 079/NQ-PHT-HĐQT ngày 19/12/2023. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được điều chỉnh tương ứng. Sau khi thực hiện điều chỉnh, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước” tại ngày 31/12/2023 đang là số âm; và
- ▶ Thuyết minh 21\* và 22\* của Báo cáo tài chính, trong đó mô tả Công ty đã thực hiện thay đổi lịch đợc số ghi nhận sản lượng nước trong năm 2023. Điều này dẫn đến chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” tăng khoảng 7,6 tỷ VND, “Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ” tăng khoảng 4,2 tỷ VND. Do đó chỉ tiêu “Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ” và chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” tăng khoảng 3,4 tỷ VND so việc giữ nguyên lịch chốt chỉ số nước như năm trước; và
- ▶ Thuyết minh 9\* và 24\*, trong đó mô tả Công ty đã phân bổ toàn bộ số dư chi phí thay, gắn đồng hồ nước còn tồn tại ngày 01/01/2023 vào chi phí trong năm nay thay vì tiếp tục phân bổ, nhằm phản ánh phù hợp hơn với thực tế hoạt động kinh doanh trong năm. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu “Chi phí bán hàng” của Công ty năm nay đã tăng 4.711.289.421 VND so với cách phân bổ đang thực hiện trước đó.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

**Công ty TNHH  
Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

**Đinh Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3681-2022-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>135.673.504.947</b>	<b>119.802.632.517</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>47.311.613.787</b>	<b>35.325.111.313</b>
111	1. Tiền		15.043.494.117	11.600.002.618
112	2. Các khoản tương đương tiền		32.268.119.670	23.725.108.695
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>65.224.475.542</b>	<b>61.661.243.700</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	65.224.475.542	61.661.243.700
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>8.100.301.452</b>	<b>6.773.229.176</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.748.846.055	6.457.886.974
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.572.723.050	493.735.710
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.073.744.584	2.111.750.884
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.295.012.237)	(2.290.203.857)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	59.465
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>13.873.557.630</b>	<b>14.893.811.665</b>
141	1. Hàng tồn kho		14.001.275.073	15.258.248.886
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(127.717.443)	(364.437.221)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.163.556.536</b>	<b>1.149.236.663</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	-	201.963.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		773.504.183	618.493.637
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	390.052.353	328.780.026
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>76.603.262.042</b>	<b>77.425.874.517</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>75.726.096.875</b>	<b>67.619.960.799</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	73.603.318.548	66.032.218.548
222	- Nguyên giá		396.682.128.139	369.617.817.882
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(323.078.809.591)	(303.585.599.334)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.122.778.327	1.587.742.251
228	- Nguyên giá		4.306.235.000	2.977.985.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.183.456.673)	(1.390.242.749)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>877.165.167</b>	<b>821.312.914</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	877.165.167	821.312.914
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>8.984.600.804</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	-	8.984.600.804
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>212.276.766.989</b>	<b>197.228.507.034</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>78.927.336.294</b>	<b>71.684.402.934</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>78.927.336.294</b>	<b>71.684.402.934</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	47.145.119.577	44.586.487.519
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.258.979.714	1.126.912.603
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	8.191.032.530	7.538.205.705
314	4. Phải trả người lao động		15.195.218.373	13.003.834.197
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.386.344.699	743.929.925
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.294.919.830	1.424.537.585
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	3.455.721.571	3.260.495.400
<b>400</b>	<b>D. NGUỒN VỐN</b>		<b>133.349.430.695</b>	<b>125.544.104.100</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>133.349.430.695</b>	<b>125.544.104.100</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	90.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		29.697.617.711	29.697.617.711
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.651.812.984	5.846.486.389
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(5.946.623.143)	(5.946.623.143)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		19.598.436.127	11.793.109.532
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>212.276.766.989</b>	<b>197.228.507.034</b>



Dương Văn Hòa  
 Giám đốc

Dương Thị Mỹ Quý  
 Kế toán trưởng

Cao Thị Mỹ Hương  
 Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023		Năm 2022	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	407.160.737.390	374.046.603.153		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		407.160.737.390	374.046.603.153		
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22	232.807.741.380	233.934.241.767		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		174.352.996.010	140.112.361.386		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	5.327.938.341	2.820.200.491		
22	7. Chi phí tài chính		-	-		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-		
25	8. Chi phí bán hàng	24	95.029.574.841	77.979.009.161		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	59.316.184.930	51.080.166.691		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.335.174.580	13.873.386.025		
31	11. Thu nhập khác	26	1.047.374.223	1.083.261.851		
32	12. Chi phí khác		467.168.954	19.000.000		
40	13. Lợi nhuận khác		580.205.269	1.064.261.851		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.915.379.849	14.937.647.876		
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	6.316.943.722	3.144.538.344		
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<b>19.598.436.127</b>	<b>11.793.109.532</b>		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.178	1.310		



Dương Văn Hòa  
Giám đốc

Dương Thị Mỹ Quý  
Kế toán trưởng

Cao Thị Mỹ Hương  
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>25.915.379.849</b>	<b>14.937.647.876</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		20.402.456.181	19.782.772.708
03	Các khoản dự phòng		(231.911.398)	293.583.470
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(5.328.301.977)	(2.869.291.400)
08	<b>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>40.757.622.655</b>	<b>32.144.712.654</b>
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		(1.614.201.138)	6.524.800.716
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		1.256.973.813	(3.687.539.740)
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		8.472.977.667	22.775.699.758
12	Giảm chi phí trả trước		9.186.563.804	5.785.026.471
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.824.724.200)	(3.198.156.245)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.240.000	47.980.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.300.123.361)	(3.128.813.189)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>44.937.329.240</b>	<b>57.263.710.425</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(28.564.444.510)	(18.836.054.561)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		363.636	49.090.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.138.985.642)	(35.124.794.455)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.575.753.800	13.089.927.955
27	7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.393.975.950	2.063.670.163
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(26.733.336.766)</b>	<b>(38.758.159.989)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.217.490.000)	(5.364.085.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(6.217.490.000)</b>	<b>(5.364.085.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>11.986.502.474</b>	<b>13.141.465.436</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3</b>	<b>35.325.111.313</b>	<b>22.183.645.877</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>47.311.613.787</b>	<b>35.325.111.313</b>



Dương Văn Hòa  
Giám đốc

Dương Thị Mỹ Quý  
Kế toán trưởng

Cao Thị Mỹ Hương  
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước, theo Quyết định số 6653/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304796249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/01/2007, và các giấy sửa đổi, trong đó thay đổi lần sáu ngày 01/09/2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2023 là 90.000.000.000 VND, tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 213 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 213 người).

#### Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- ▶ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước trong nhà (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở);
- ▶ Cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng – sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- ▶ Tư vấn xây dựng công trình cấp nước - dân dụng - công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng);
- ▶ Xây dựng công trình cấp thoát nước;
- ▶ Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- ▶ Lập dự án. Thẩm tra thiết kế. Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước. Giám sát xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình cấp nước theo tuyến;
- ▶ Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước. Tái lập mặt đường, vỉa hè;
- ▶ Mua bán nước tinh khiết. Mua bán vật tư, máy móc ngành nước;
- ▶ Sản xuất nước tinh khiết;
- ▶ Xử lý nền móng công trình;
- ▶ Duy tu sửa chữa công trình giao thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ▶ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ▶ Kinh doanh bất động sản.

#### Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

So với năm 2022, doanh thu năm 2023 tăng 33.114.134.237 VND (tăng 8,9%), lợi nhuận trước thuế tăng 10.977.731.973 VND (tăng 73,5%). Nguyên nhân là do nhu cầu nước tiêu dùng cho sinh hoạt và sản xuất tăng sau khi nền kinh tế phục hồi và hoạt động ổn định trở lại. Bên cạnh đó, các kế hoạch sửa chữa thay mới mạng lưới cấp nước, thay, gắn đồng hồ nước được thực hiện có hiệu quả. Cụ thể: Tỷ lệ thất thoát nước bình quân của Công ty trong năm nay là 5,1%, giảm mạnh so với tỷ lệ thất thoát nước bình quân cả năm 2022 là 13,1%.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

## **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

## **2.4 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Dự phòng đầu tư tài chính
- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- ▶ Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- ▶ Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

## **2.5 Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị ghi nhận sau ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày

Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## **2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại, có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.9 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà văn phòng	5 – 30 năm
▶ Máy móc, thiết bị	3 – 12 năm
▶ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▶ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▶ Phần mềm máy tính	3 – 8 năm
▶ Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

#### 2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

#### 2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá trị bảo hiểm, Công ty thay đổi ước tính kế toán ghi nhận toàn bộ phát sinh vào chi phí trong năm, thay vì phân bổ theo đường thẳng theo thời hạn bảo hiểm như năm 2022;
- ▶ Chi phí trả trước bản quyền phần mềm được ghi nhận theo nguyên giá, phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 - 03 năm theo thời gian sử dụng bản quyền;
- ▶ Chi phí thay, gắn đồng hồ nước ("ĐHN") được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm. Trong năm 2023, Công ty thay đổi việc phân bổ này như sau:
  - ❖ Đối với các chi phí sửa, thay gắn ĐHN định kỳ đã phát sinh và đang phân bổ trong năm 2022 còn lại chưa phân bổ (số dư đầu năm tại ngày 01/01/2023) được Công ty phân bổ toàn bộ giá trị còn lại vào chi phí trong năm.

## **2.14 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **2.15 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: trích trước chi phí công trình xây lắp, trích trước giá vốn nước sạch và các khoản trích trước khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **2.17 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.18 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư

hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời và giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

### **2.20 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### **2.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.22 Thông tin bộ phận**

Lĩnh vực hoạt động của Công ty là cung cấp nước sạch và dịch vụ liên quan đến khách hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	7.562.907	30.911.113
Tiền gửi ngân hàng	15.035.931.210	11.569.091.505
Các khoản tương đương tiền (*)	32.268.119.670	23.725.108.695
	<b>47.311.613.787</b>	<b>35.325.111.313</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng, được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,9%/năm đến 3,75%/năm.

### 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn số tiền 65.224.475.542 VND là các khoản tiền gửi có kỳ hạn đáo hạn trong vòng từ 06 tháng - 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,8%/năm đến 6,5%/năm.

### 5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>670.748.702</b>	-	<b>657.450.702</b>	-
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	657.450.702	-	657.450.702	-
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch	13.298.000	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>6.078.097.353</b>	<b>(1.493.990.067)</b>	<b>5.800.436.272</b>	<b>(1.489.181.687)</b>
Các khách hàng sử dụng nước sạch	5.707.052.353	(1.122.945.067)	5.429.391.272	(1.118.136.687)
Công ty TNHH Xây dựng Văn Phôn	371.045.000	(371.045.000)	371.045.000	(371.045.000)
				-
	<b>6.748.846.055</b>	<b>(1.493.990.067)</b>	<b>6.457.886.974</b>	<b>(1.489.181.687)</b>

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Chi tiết theo nội dung</b>				
Lãi tiền gửi	847.215.493	-	913.253.102	-
Tạm ứng	425.506.921	-	394.975.487	-
Phải thu trước cổ phần hoá	801.022.170	(801.022.170)	801.022.170	(801.022.170)
Phải thu khác	-	-	2.500.125	-
	<b>2.073.744.584</b>	<b>(801.022.170)</b>	<b>2.111.750.884</b>	<b>(801.022.170)</b>
<b>Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	801.022.170	(801.022.170)	801.022.170	(801.022.170)
<b>Bên khác</b>				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1.272.722.414	-	1.310.728.714	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	419.246.791	-	517.574.501	-
Nguyễn Viết Tâm	254.837.805	-	251.945.205	-
Khác	322.818.199	-	325.057.013	-
	275.819.619	-	216.151.995	-
	<b>2.073.744.584</b>	<b>(801.022.170)</b>	<b>2.111.750.884</b>	<b>(801.022.170)</b>

**7. Nợ xấu**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	801.022.170	-	801.022.170	-
	801.022.170	-	801.022.170	-
<b>Bên khác</b>				
Các khách hàng sử dụng nước sạch	1.722.301.627	228.311.560	1.837.449.863	348.268.176
Phải thu Công ty TNHH Xây dựng Văn Phôn	1.351.256.627	228.311.560	1.466.404.863	348.268.176
	371.045.000	-	371.045.000	-
	<b>2.523.323.797</b>	<b>228.311.560</b>	<b>2.638.472.033</b>	<b>348.268.176</b>



**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	5.261.030.407	-	5.490.785.732	-
Công cụ, dụng cụ	44.870.960	-	4.864.960	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.088.616	-	52.088.616	-
Giá vốn nước sạch chờ kết chuyển	8.370.128.860	-	9.049.824.451	-
Hàng hóa	273.156.230	(127.717.443)	660.685.127	(364.437.221)
	<b>14.001.275.073</b>	<b>(127.717.443)</b>	<b>15.258.248.886</b>	<b>(364.437.221)</b>

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm cho người lao động	-	28.900.000
Bản quyền phần mềm	-	173.063.000
	-	<b>201.963.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ (*)	-	7.834.563.898
Chi phí gắn đồng hồ nước (*)	-	120.561.106
Bản quyền phần mềm	-	1.029.475.800
	-	<b>8.984.600.804</b>

(\*) Do tỷ lệ thất thoát nước bình quân của Công ty trong năm đạt 5,1%, giảm mạnh so với tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2022 là 13,1% nên để phù hợp hơn với thực tế hoạt động kinh doanh, Công ty đã phân bổ toàn bộ chi phí thay, gắn đồng hồ nước còn tồn đầu năm thay vì tiếp tục phân bổ thường niên.

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2023	13.778.553.261	3.420.397.673	343.563.170.291	8.855.696.657	369.617.817.882
Mua mới, tăng từ XDCB	-	3.102.055.556	16.247.751.040	7.785.535.661	27.135.342.257
Thanh lý	-	(40.222.000)	-	(30.810.000)	(71.032.000)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>13.778.553.261</b>	<b>6.482.231.229</b>	<b>359.810.921.331</b>	<b>16.610.422.318</b>	<b>396.682.128.139</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2023	12.912.497.847	2.972.815.132	279.868.371.795	7.831.914.560	303.585.599.334
Khấu hao	87.309.648	332.864.626	17.887.252.165	1.256.815.818	19.564.242.257
Thanh lý	-	(40.222.000)	-	(30.810.000)	(71.032.000)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>12.999.807.495</b>	<b>3.265.457.758</b>	<b>297.755.623.960</b>	<b>9.057.920.378</b>	<b>323.078.809.591</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2023	866.055.414	447.582.541	63.694.798.496	1.023.782.097	66.032.218.548
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>778.745.766</b>	<b>3.216.773.471</b>	<b>62.055.297.371</b>	<b>7.552.501.940</b>	<b>73.603.318.548</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 202.337.637.002 VND.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2023	2.927.985.000	50.000.000	2.977.985.000
Mua mới	1.298.250.000	75.000.000	1.373.250.000
Giảm khác	(45.000.000)	-	(45.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>4.181.235.000</b>	<b>125.000.000</b>	<b>4.306.235.000</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2023	1.382.357.444	7.885.305	1.390.242.749
Khấu hao	819.732.740	18.481.184	838.213.924
Giảm khác	(45.000.000)	-	(45.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>2.157.090.184</b>	<b>26.366.489</b>	<b>2.183.456.673</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2023	1.545.627.556	42.114.695	1.587.742.251
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>2.024.144.816</b>	<b>98.633.511</b>	<b>2.122.778.327</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 907.260.000 VND.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	5.170.216	-
Xây dựng cơ bản	871.994.951	821.312.914
<i>Trong đó:</i>		
- Di dời hệ thống hệ thống cấp nước hiện hữu	-	577.857.564
<i>Giao lộ khu vực Quận 11</i>		
- Đầu tư thay mới các tuyến ống cấp nước trên địa bàn (i)	871.994.951	243.455.350
	<b>877.165.167</b>	<b>821.312.914</b>

(i) Các công trình đầu tư thay mới các tuyến ống cấp nước nằm trong kế hoạch phát triển và cải tạo mạng lưới cấp nước hàng năm tại địa bàn Công ty quản lý và làm chủ đầu tư. Giá trị công trình được tập hợp bao gồm các chi phí:

- ▶ Chi phí báo đấu thầu công trình;
- ▶ Chi phí khảo sát, lập báo cáo công trình;
- ▶ Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu công trình;
- ▶ Chi phí thi công công trình thay mới các tuyến ống.

Tại ngày 31/12/2023, các công trình đang trong giai đoạn triển khai thực hiện thi công lắp đặt, thay mới các tuyến ống cấp nước.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>35.598.917.268</b>	<b>35.598.917.268</b>	<b>32.788.474.878</b>	<b>32.788.474.878</b>
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	35.598.917.268	35.598.917.268	32.788.474.878	32.788.474.878
<b>Bên khác</b>	<b>11.546.202.309</b>	<b>11.546.202.309</b>	<b>11.798.012.641</b>	<b>11.798.012.641</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Du lịch Hồng Đăng	1.693.298.979	1.693.298.979	1.686.895.370	1.686.895.370
Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhân Việt	3.046.793.333	3.046.793.333	2.144.979.088	2.144.979.088
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Đô thị Việt	-	-	2.395.130.472	2.395.130.472
Khác	6.806.109.997	6.806.109.997	5.571.007.711	5.571.007.711
	<b>47.145.119.577</b>	<b>47.145.119.577</b>	<b>44.586.487.519</b>	<b>44.586.487.519</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023		Phát sinh		31/12/2023	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.165.128.549	3.165.128.549	-	-
Thuế giá trị gia tăng thu hộ	-	387.878.026	6.836.553.652	6.975.778.440	-	527.102.814
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.742.093.801	7.824.724.200	6.316.943.722	-	234.313.323
Thuế thu nhập cá nhân	324.365.784	-	1.369.958.960	1.304.272.391	390.052.353	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất (*)	4.414.242	-	1.959.405.935	1.963.820.177	-	-
Phí bảo vệ môi trường, tiền dịch vụ thoát nước (**)	-	5.408.233.878	75.043.622.889	77.065.005.404	-	7.429.616.393
Thuế môn bài	-	-	3.161.754	3.161.754	-	-
	<b>328.780.026</b>	<b>7.538.205.705</b>	<b>96.202.555.939</b>	<b>96.794.110.437</b>	<b>390.052.353</b>	<b>8.191.032.530</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



(\*) Theo Quyết định số 1888/QĐ-CTTPHCM ngày 18/4/2023 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh, Công ty được giảm 30% tiền thuê đất của năm 2022 tính trừ vào tiền thuê đất năm 2023 (Công ty thuộc trường hợp được giảm tiền thuê đất do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TT ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ). Giá trị tiền thuê đất được giảm tương ứng là 875.532.129 VND.

(\*\*) Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND TP. Hồ Chí Minh, kể từ ngày 01/01/2022, phí bảo vệ môi trường được thay bằng tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với các hộ thoát nước có hoạt động xả nước thải sinh hoạt vào hệ thống thoát nước, nguồn tiếp nhận và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Giá dịch vụ áp dụng cho năm 2022 là 15% và năm 2023 là 20% trên giá cấp nước. Trong năm, nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được để lại một phần trăm (1%) trên tổng số thu thực tế để chi trả chi phí dịch vụ thu hộ.

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khách hàng sử dụng dụng cụ nước sạch	1.220.094.052	951.699.117
Các đối tượng khác	38.885.662	175.213.486
	<b>1.258.979.714</b>	<b>1.126.912.603</b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công trình xây lắp (*)	213.329.871	213.329.871
Trích trước giá vốn nước sạch	30.134.996	127.747.984
Khác	1.142.879.832	402.852.070
	<b>1.386.344.699</b>	<b>743.929.925</b>

(\*) Công trình thay thế/ lắp đặt trụ cứu hỏa với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV đã hoàn thành và đang chờ nghiệm thu từ các cơ quan chức năng để thanh quyết toán.

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	-	66.908.030
Cổ tức phải trả cổ đông (Thuyết minh 19a*)	829.883.900	747.373.900
Phí bảo vệ môi trường, dịch vụ thoát nước	782.995.746	597.840.603
Khác	682.040.184	12.415.052
	<b>2.294.919.830</b>	<b>1.424.537.585</b>
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>		
Cổ đông Công ty	829.883.900	747.373.900
Cơ quan Nhà nước	782.995.746	597.840.603
Khác	682.040.184	79.323.082
	<b>2.294.919.830</b>	<b>1.424.537.585</b>

**18. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>2.710.817.501</b>	-	<b>2.710.817.501</b>
Trích lập quỹ năm trước	3.248.191.088	382.320.000	3.630.511.088
Tăng khác	47.980.000	-	47.980.000
Sử dụng quỹ	(2.746.493.189)	(382.320.000)	(3.128.813.189)
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>3.260.495.400</b>	-	<b>3.260.495.400</b>
Trích lập quỹ (Thuyết minh 19a*)	5.104.309.532	388.800.000	5.493.109.532
Tăng khác	2.240.000	-	2.240.000
Sử dụng quỹ	(4.911.323.361)	(388.800.000)	(5.300.123.361)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>3.455.721.571</b>	-	<b>3.455.721.571</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2022 (Đã điều chỉnh)</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>28.991.387.375</b>	<b>3.790.118.281</b>	<b>122.781.505.656</b>
Lợi nhuận năm trước	-	-	11.793.109.532	11.793.109.532
Phân phối lợi nhuận	-	706.230.336	(9.736.741.424)	(9.030.511.088)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>29.697.617.711</b>	<b>5.846.486.389</b>	<b>125.544.104.100</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	19.598.436.127	19.598.436.127
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(11.793.109.532)	(11.793.109.532)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>29.697.617.711</b>	<b>13.651.812.984</b>	<b>133.349.430.695</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 058/NQ-PHT-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023, chi tiết như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận dùng để phân phối	100,00	11.793.109.532
- Trích quỹ khen thưởng	39,43	4.650.000.000
- Trích quỹ phúc lợi	3,85	454.309.532
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	3,30	388.800.000
- Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 700 VND)	53,42	6.300.000.000

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	63.352.000.000	70,39	63.352.000.000	70,39
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	9.000.000.000	10,00	9.000.000.000	10,00
Nhà đầu tư khác	17.648.000.000	19,61	17.648.000.000	19,61
	<b>90.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	90.000.000.000	90.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	747.373.900	711.458.900
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	6.300.000.000	5.400.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	6.300.000.000	5.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	6.217.490.000	5.364.085.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	6.217.490.000	5.364.085.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Số dư cuối năm	829.883.900	747.373.900

**d) Cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**e) Quỹ đầu tư phát triển**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	29.697.617.711	29.697.617.711
	<b>29.697.617.711</b>	<b>29.697.617.711</b>

**20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ số 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh số 4107/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 12/06/2009 với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích khu đất thuê là 2.655,8 m2 với mục đích sử dụng để làm văn phòng làm việc, thời hạn thuê đến ngày 01/01/2046, thanh toán tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng. Giá thuê đất được điều chỉnh theo quy định hiện hành cho từng giai đoạn.

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu nước (Thuyết minh 22*)	402.824.490.402	369.954.217.674
Doanh thu lắp đặt, nâng dờn đồng hồ nước	3.947.727.869	3.604.694.629
Doanh thu khác	388.519.119	487.690.850
	<b>407.160.737.390</b>	<b>374.046.603.153</b>
<b>Trong đó, doanh thu từ Bên liên quan</b>	<b>241.781.819</b>	<b>531.190.000</b>
(Xem chi tiết tại Thuyết minh 32)		

**22. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn nước (*)	229.929.448.716	231.179.030.500
Giá vốn lắp đặt, nâng dờn đồng hồ nước	2.508.785.351	2.448.492.753
Giá vốn khác	369.507.313	306.718.514
	<b>232.807.741.380</b>	<b>233.934.241.767</b>
<b>Trong đó, mua hàng từ Bên liên quan</b>	<b>229.929.448.716</b>	<b>231.179.030.500</b>
(Xem chi tiết tại Thuyết minh 32)		

(\*) Công ty thay đổi lịch đọc số ghi nhận sản lượng nước trong năm 2023. Điều này dẫn đến doanh thu và giá vốn năm nay tăng lần lượt khoảng 7,6 tỷ VND và 4,2 tỷ VND so với việc giữ nguyên lịch chốt chỉ số nước như năm trước.

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	5.327.938.341	2.820.200.491
	<b>5.327.938.341</b>	<b>2.820.200.491</b>



#### 24. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	25.730.386.333	22.407.558.803
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì (*) (vật tư ĐHN cho công tác thay, gắn di dời ĐHN và sửa bể, khác...)	26.437.831.157	15.945.810.766
Chi phí dụng cụ, đồ dùng (vật tư cho công tác thay, gắn ĐHN và sửa chữa giảm thất thoát nước, khác...)	3.486.183.402	3.801.749.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.307.474.750	17.657.647.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài (sửa chữa mạng lưới, phúc lợi cho người lao động, khác,...)	14.005.993.445	15.699.993.947
Chi phí bằng tiền khác	7.061.705.754	2.466.247.989
	<b>95.029.574.841</b>	<b>77.979.009.161</b>
<b>Trong đó, mua hàng từ Bên liên quan</b> (Xem chi tiết tại Thuyết minh 32)	<b>101.326.544</b>	<b>120.500.000</b>

(\*) Do ảnh hưởng bởi việc ghi nhận chi phí thay, gắn đồng hồ nước như trình bày tại Thuyết minh 9 nên chi phí bán hàng năm nay tăng 4.711.289.421 VND so với chính sách phân bổ thường niên như các năm trước.

#### 25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	39.919.117.642	34.175.360.862
Chi phí vật liệu quản lý	1.006.449.507	747.962.527
Chi phí dụng cụ quản lý	2.038.372.715	2.096.182.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.094.981.431	2.125.124.750
Thuế phí và lệ phí	1.966.820.177	2.963.282.158
Chi phí dự phòng	4.808.380	281.145.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.564.521.035	2.432.038.808
Chi phí bằng tiền khác	6.721.114.043	6.259.069.904
	<b>59.316.184.930</b>	<b>51.080.166.691</b>
<b>Trong đó, mua hàng từ Bên liên quan</b> (Xem chi tiết tại Thuyết minh 32)	<b>62.732.048</b>	<b>81.856.435</b>

#### 26. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	363.636	49.396.465
Phí bảo vệ môi trường, dịch vụ thoát nước giữ lại 1%	713.670.604	499.121.071
Cung cấp đồ họa	8.492.800	17.295.600
Thu phạt hợp đồng	81.200.411	126.888.322
Thu nhập khác	243.646.772	390.560.393
	<b>1.047.374.223</b>	<b>1.083.261.851</b>

**27. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>25.915.379.849</b>	<b>14.937.647.876</b>
<b>Điều chỉnh:</b>		
Chi phí không được trừ khi tính thuế	5.650.498.763	785.043.839
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>31.565.878.612</b>	<b>15.722.691.715</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp (Thuế suất 20%)</b>	<b>6.313.175.722</b>	<b>3.144.538.344</b>
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước vào năm nay	3.768.000	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.316.943.722</b>	<b>3.144.538.344</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.742.093.801	1.795.711.702
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.824.724.200)	(3.198.156.245)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>234.313.323</b>	<b>1.742.093.801</b>

**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.598.436.127	11.793.109.532
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.598.436.127	11.793.109.532
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.178</b>	<b>1.310</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**29. Chi phí theo yếu tố**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.896.457.032	24.678.012.051
Chi phí nhân công	66.252.431.650	56.912.722.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.402.456.181	19.782.772.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.865.744.774	18.154.543.195
Chi phí khác bằng tiền	15.806.962.798	12.002.895.633
	<b>157.224.052.435</b>	<b>131.530.946.529</b>

**30. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty là rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

*Rủi ro tín dụng:*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2023</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.304.050.880	-	47.304.050.880
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.527.578.402	-	6.527.578.402
Các khoản cho vay	65.224.475.542	-	65.224.475.542
	<b>119.056.104.824</b>	<b>-</b>	<b>119.056.104.824</b>
<b>01/01/2023</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.294.200.200	-	35.294.200.200
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.279.434.001	-	6.279.434.001
Các khoản cho vay	61.661.243.700	-	61.661.243.700
	<b>103.234.877.901</b>	<b>-</b>	<b>103.234.877.901</b>

*Rủi ro thanh khoản:*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2023</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	49.440.039.407	-	49.440.039.407
Chi phí phải trả	1.386.344.699	-	1.386.344.699
	<b>50.826.384.106</b>	<b>-</b>	<b>50.826.384.106</b>
<b>01/01/2023</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	46.011.025.104	-	46.011.025.104
Chi phí phải trả	743.929.925	-	743.929.925
	<b>46.754.955.029</b>	<b>-</b>	<b>46.754.955.029</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**32. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Công ty cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty cùng Tổng công ty
Lê Thị Thanh Tâm	Chủ tịch HĐQT
Vương Vũ	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thanh Sử	Thành viên HĐQT
Võ Tấn Bảo Quang	Thành viên HĐQT
Lê Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT
Dương Văn Hòa	Giám đốc - Thành viên HĐQT
Trần Công Lễ	Phó Giám đốc Kinh doanh
Bùi Đức Sinh	Phó Giám đốc Kỹ thuật
Nguyễn Minh Đạt	Trưởng Ban kiểm soát
Lê Trọng Thành	Thành viên Ban kiểm soát
Phạm Thị Phương Linh	Thành viên Ban kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu thi công công trình</b>	<b>241.781.819</b>	<b>531.190.000</b>
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	241.781.819	531.190.000
<b>Mua nước sạch</b>	<b>229.249.753.125</b>	<b>233.741.077.667</b>
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	229.249.753.125	233.741.077.667
<b>Mua ĐHN</b>	<b>1.030.515.000</b>	<b>971.032.500</b>
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	1.030.515.000	971.032.500
<b>Mua nước đóng chai</b>	<b>20.186.363</b>	<b>10.740.913</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	20.186.363	10.740.913
<b>Mua nước sinh hoạt</b>	<b>42.545.685</b>	<b>37.495.275</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	42.545.685	37.495.275
<b>Chi phí đào tạo</b>	-	<b>33.620.247</b>
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	-	33.620.247
<b>Phí truyền thông và thi nâng bậc</b>	<b>101.326.544</b>	<b>120.500.000</b>
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	101.326.544	120.500.000
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>4.434.640.000</b>	<b>3.801.120.000</b>
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	4.434.640.000	3.801.120.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>917.252.000</b>	<b>908.842.000</b>
Lê Thị Thanh Tâm	638.852.000	630.442.000
Vương Vũ	69.600.000	69.600.000
Nguyễn Thanh Sử	69.600.000	49.827.000
Võ Tấn Bảo Quang	69.600.000	49.827.000
Lê Hoàng Sơn	69.600.000	49.827.000
Nguyễn Thanh Tùng	Miễn nhiệm ngày 14/04/2022	- 19.773.000
Dương Hồng Phương	Miễn nhiệm ngày 14/04/2022	- 19.773.000
Vũ Phương Thảo	Miễn nhiệm ngày 14/04/2022	- 19.773.000
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>1.563.704.000</b>	<b>1.569.026.000</b>
Dương Văn Hòa	577.538.000	579.504.000
Trần Công Lễ	493.083.000	494.761.000
Bùi Đức Sinh	493.083.000	494.761.000
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>537.689.000</b>	<b>539.273.000</b>
Nguyễn Minh Đạt	465.689.000	467.273.000
Lê Trọng Thành	36.000.000	36.000.000
Phạm Thị Phương Linh	36.000.000	36.000.000

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

### 33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
		VND	VND	VND
		(1)	(2)	(1) - (2)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	44.586.487.519	33.449.642.549	11.136.844.970
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.846.486.389	16.983.331.359	(11.136.844.970)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(5.946.623.143)	5.190.221.827	(11.136.844.970)


Thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong năm 2022 và đã được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt tại Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 079/NQ-PHT-HĐQT ngày 19/12/2023. Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV đã thống nhất điều chỉnh tăng khoản tiền nước sử phải trả của Công ty tại các thời điểm:

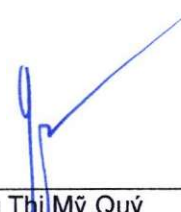
- ▶ Thời điểm Công ty chính thức hoạt động theo hình thức cổ phần (01/02/2007): 2.926.296.194 VND.
- ▶ Thời điểm Công ty mua sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng của Tổng Công ty (kể từ tháng 01/2015): 8.210.548.776 VND.


**34. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 27 tháng 03 năm 2024.



  
Dương Văn Hòa  
Giám đốc

  
Dương Thị Mỹ Quý  
Kế toán trưởng

  
Cao Thị Mỹ Hương  
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2024



# HÃNG KIỂM TOÁN AASC

## **AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH**

**T:** (84) 24 3824 1990 | **F:** (84) 24 3825 3973

**E:** [aasc@aasc.com.vn](mailto:aasc@aasc.com.vn)

**A:** Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## **AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**

**T:** (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | **F:** (84) 28 3945 1106

**E:** [aaschcm@aasc.com.vn](mailto:aaschcm@aasc.com.vn)

**A:** Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

## **AASC TẠI QUẢNG NINH**

**T:** (84) 203 3627 571 | **F:** (84) 203 3627 572

**E:** [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)

**A:** Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam